

CÁC TỰ LIỆU NỀN
cho tiểu luận:

Kornai János

Một lần nữa về “paradigme hệ thống”

**Làm rõ và những bổ sung dưới ánh sáng kinh nghiệm
của chủ nghĩa tư bản chuyên quyền**

Tài liệu công tác

tháng Bảy 2016

Tư liệu nền 1.

Danh mục các nước xã hội chủ nghĩa một thời và hậu xã hội chủ nghĩa hiện thời

Bảng 1.

Các nước nguyên xã hội chủ nghĩa theo thứ tự thời gian cộng sản năm quyền¹

Số TT.	Tiền nước trong 1987	Tiền nước trong 2016
1.	Liên Xô	Azerbaijan
		Estonia
		Belarussia
		Gruzia
		Kazahstan
		Kirgizistan
		Moldova
		Latvia
		Litva
		Liên bang Nga
		Armenia
		Tajkistan
		Turkmenistan
		Ukraina
Uzbekistan		
2.	Mông Cổ	Mông Cổ
3.	Albani	Albani
4.	Nam Tư	Bosna và Hercegovina
		Croatia
		Kosovo (tranh chấp về địa vị pháp lý)
		Macedonia
		Montenegro
		Serbia
5.	Bulgari	Bulgari
6.	Tiệp Khắc	Cộng hòa Czeh
		Slovakia
7.	Hungary	Hungary
8.	Ba Lan	Ba Lan
9.	Rumani	Rumani
10.	Bắc Triều Tiên	Bắc Triều Tiên
11.	Trung Quốc	Trung Quốc
12.	Các tỉnh phía đông Cộng hòa Liên bang Đức	Nước Đức ²
13.	Việt Nam	Việt Nam
14.	Cuba	Cuba
15.	Congo	Cộng hòa Congo („Brazzaville-Congo”)
16.	Somali	Somali
17.	Nam-Jemen	Jemen
18.	Benin	Benin
19.	Etiopia	Etiopia
20.	Angola	Angola
21.	Campuchia	Campuchia
22.	Lào	Lào
23.	Mozambik	Mozambik
24.	Afganistan	Afganistan
25.	Nicaragua	Nicaragua
26.	Zimbabwe	Zimbabwe

¹ Nguồn: Kornai 1993, tr. 38-39

² Các tỉnh tạo thành Cộng Hòa Dân Chủ Đức một thời.

Bảng 2.**Các nước nguyên xã hội chủ nghĩa theo thứ tự tên nước ngày nay**

A	B	C	D	E
Số TT	Tên nước trong năm 2016	Tên nước tổ tiên năm 1987	Dân số năm 2015 (triệu) ³	Diện tích năm 2015 (ngàn km ²) ⁴
1.	Afganistan	Afganistan	33	653
2.	Albani	Albani	3	29
3.	Angola	Angola	25	1 247
4.	Azerbaijan	Liên Xô	10	87
5.	Benin	Benin	11	115
6.	Bosna và Hercegovina	Nam Tư	4	51
7.	Bulgari	Bulgari	7	111
8.	Czech, Cộng hòa	Tiệp Khắc	11	79
9.	Bắc Triều Tiên	Bắc Triều Tiên	25	121
10.	Estonia	Liên Xô	1	45
11.	Etiopia	Etiopia	99	1 104
12.	Belarussia	Liên Xô	10	208
13.	Gruzia	Liên Xô	4	70
14.	Croatia	Nam Tư	4	57
15.	Jemen	Jemen	27	528
16.	Campuchia	Campuchia	16	181
17.	Kazakhstan	Liên Xô	18	2 725
18.	Trung Quốc	Trung Quốc	1 371	9 563
19.	Kirgizistan	Liên Xô	6	200
20.	Kosovo (tranh chấp địa vị pháp lý)	Nam Tư	2	11
21.	Cuba	Cuba	11	110
22.	Congo, Cộng hòa („Brazzaville-Congo”)	Congo	5	342
23.	Lào	Lào	7	237
24.	Ba Lan	Ba Lan	38	313
25.	Latvia	Liên Xô	2	64
26.	Litva	Liên Xô	3	65
27.	Macedonia	Nam Tư	2	26
28.	Hungary	Hungary	10	93
29.	Moldova	Liên Xô	4	34
30.	Mông Cổ	Mông Cổ	3	1 564
31.	Montenegro	Nam Tư	1	14
32.	Mozambik	Mozambik	28	799
33.	Nước Đức	Các tỉnh phía đông CHLB Đức	16	108
34.	Nicaragua	Nicaragua	6	130
35.	Liên bang Nga	Liên Xô	144	17 098
36.	Armenia	Liên Xô	3	30
37.	Rumani	Rumani	20	238
38.	Serbia	Nam Tư	7	88
39.	Slovakia	Tiệp Khắc	5	49
40.	Slovenia	Nam Tư	2	20
41.	Somali	Somali	11	638
42.	Tajkistan	Liên Xô	8	143
43.	Turkmenistan	Liên Xô	5	488
44.	Ukraina	Liên Xô	45	604
45.	Uzbekistan	Liên Xô	31	447
46.	Việt Nam	Việt Nam	92	331
47.	Zimbabwe	Zimbabwe	16	391

³ World Bank (2016a): *Population, total* Code: SP.POP.TOTL file dữ liệu. Data Extract From World Development Indicator, truy cập: 2016-07-11.

⁴ World Bank (2016a): *Surface area (sq. km)* Code: AG.SRF.TOTL.K2 file dữ liệu. Data Extract From World Development Indicator, truy cập: 2016-07-11

Tư liệu nền số 2

Liệt kê các nước hậu xã hội chủ nghĩa theo các typo học "các hệ thống lớn" và các hình thức chính phủ-chính trị

A	B	C	D
Số TT	Tên nước trong 2016	Liệt kê theo typo học "Các hệ thống lớn "	Liệt kê theo typo học "Các hình thức chính phủ-chính trị "
1	Afganistan	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ chuyên quyền
2	Albani	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ dân chủ
3	Angola	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ chuyên quyền
4	Azerbaijan	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ chuyên quyền
5	Benin	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ dân chủ
6	Bosnia và Hercegovina	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ dân chủ
7	Bulgari	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ dân chủ
8	Czech, Cộng hòa	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ dân chủ
9	Bắc Triều Tiên	Chủ nghĩa xã hội	Chế độ độc tài
10	Estonia	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ dân chủ
11	Etiopia	Liệt kê không chắc chắn	Liệt kê không chắc chắn
12	Belaruss	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ chuyên quyền
13	Gruzia	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ dân chủ
14	Croatia	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ dân chủ
15	Jemen	Liệt kê không chắc chắn	Liệt kê không chắc chắn
16	Campuchia	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ chuyên quyền
17	Kazakhstan	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ chuyên quyền
18	Trung Quốc	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ độc tài
19	Kirgizistan	Chủ nghĩa tư bản	Liệt kê không chắc chắn
20	Kosovo (địa vị pháp lý tranh chấp)	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ dân chủ
21	Cuba	Chuyển đổi từ chủ nghĩa xã hội sang Chủ nghĩa tư bản	Chế độ độc tài
22	Kongo, Cộng hòa („Brazzaville-Congo")	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ chuyên quyền
23	Lào	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ độc tài
24	Ba Lan	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ dân chủ
25	Latvi	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ dân chủ
26	Litvan	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ dân chủ
27	Macedonia	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ dân chủ
28	Hungary	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ chuyên quyền
29	Moldova	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ dân chủ
30	Mông Cổ	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ dân chủ
31	Montenegro	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ dân chủ
32	Mozambik	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ dân chủ
33	CHLB Đức, các tỉnh phía đông ⁵	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ dân chủ
34	Nicaragua	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ dân chủ
35	Liên bang Nga	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ chuyên quyền
36	Armenia	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ chuyên quyền
37	Rumani	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ dân chủ
38	Serbia	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ dân chủ
39	Slovakia	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ dân chủ
40	Slovenia	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ dân chủ
41	Somalia	Không chắc chắn	Không chắc chắn
42	Tajikistan	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ chuyên quyền
43	Turkmenistan	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ độc tài
44	Ukraina	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ dân chủ
45	Uzbekistan	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ chuyên quyền
46	Việt Nam	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ độc tài
47	Zimbabwe	Chủ nghĩa tư bản	Chế độ chuyên quyền

⁵ Các tỉnh tạo thành Cộng hòa dân chủ Đức một thời.

Tư liệu nền số 3
Các số liệu tổng cộng

A	B	C	D	E	F
Số TT	Các đồng được cộng	Dân số, triệu người (2015) ¹	Diện tích 1000 km ² (2015) ²	Liệt kê: typo học "Các Hệ thống lớn"	Liệt kê: "Các hình thức chính phủ-Chính trị "
(i)	Tổng cộng thế giới	7 346,63	134 325,30		
(ii)	Tổng cộng khu vực hậu xã hội chủ nghĩa	2 209,43	41 647,00		
(iii)	Dân số khu vực hậu xã hội chủ nghĩa trên dân số thế giới tính bằng phần trăm	30,07%			
(iv)	Diện tích khu vực hậu xã hội chủ nghĩa so với diện tích thế giới, phần trăm		31,00%		
(v)	Dân số của các nước xã hội chủ nghĩa trên dân số thế giới			0,34%	
(vi)	Dân số các nước đã chuyển từ chủ nghĩa xã hội sang chủ nghĩa tư bản so với dân số thế giới			27,71%	
(vii)	Dân số các nước bây giờ đang chuyển từ chủ nghĩa xã hội sang chủ nghĩa tư bản so với dân số khu vực hậu xã hội chủ nghĩa			0,16%	
(viii)	Diện tích các nước xã hội chủ nghĩa so với diện tích thế giới			0,09%	
(ix)	Diện tích các nước đã chuyển từ chủ nghĩa xã hội sang chủ nghĩa tư bản so với diện tích thế giới			29,14%	
(x)	Diện tích các nước bây giờ đang chuyển từ chủ nghĩa xã hội sang chủ nghĩa tư bản so với diện tích khu vực hậu xã hội chủ nghĩa			0,08%	
(xi)	Dân số của các nền dân chủ hoạt động trong hệ thống hậu xã hội chủ nghĩa so với dân số thế giới				3,10%
(xii)	Dân số của các nền chuyên quyền hoạt động trong hệ thống hậu xã hội chủ nghĩa so với dân số thế giới				4,45%
(xiii)	Dân số của các chế độ độc tài hoạt động trong hệ thống hậu xã hội chủ nghĩa so với dân số thế giới				20,58%
(xiv)	Diện tích của các nền dân chủ hoạt động trong hệ thống hậu xã hội chủ nghĩa so với diện tích thế giới				3,49%
(xv)	Diện tích của các nền chuyên quyền hoạt động trong hệ thống hậu xã hội chủ nghĩa so với diện tích thế giới				17,60%
(xvi)	Diện tích của các chế độ độc tài hoạt động trong hệ thống hậu xã hội chủ nghĩa so với diện tích thế giới				8,08%
(xvii)	Dân số của các nền dân chủ hoạt động trong hệ thống hậu xã hội chủ nghĩa so với tổng dân số của hệ thống hậu xã hội chủ nghĩa				10,32%
(xviii)	Dân số của các nền chuyên quyền hoạt động trong hệ thống hậu xã hội chủ nghĩa so với tổng dân số của hệ thống hậu xã hội chủ nghĩa				14,79%
(xix)	Dân số của các chế độ độc tài hoạt động trong hệ thống hậu xã hội chủ nghĩa so với tổng dân số của hệ thống hậu xã hội chủ nghĩa				68,42%
(xx)	Diện tích của các nền dân chủ hoạt động trong hệ thống hậu xã hội chủ nghĩa so với tổng diện tích của các nước hậu xã hội chủ nghĩa				11,25%
(xxi)	Diện tích của các nền chuyên quyền hoạt động trong hệ thống hậu xã hội chủ nghĩa so với tổng diện tích của các nước hậu xã hội chủ nghĩa				56,77%
(xxii)	Diện tích của các chế độ độc tài hoạt động trong hệ thống hậu xã hội chủ nghĩa so với tổng diện tích của các nước hậu xã hội chủ nghĩa				26,05%

¹ Nguồn: Worldbank 2016a

² Nguồn: Worldbank 2016b

Các nguồn

Wikipedia (2016a): *Német Demokratikus Köztársaság* szócikk.

https://hu.wikipedia.org/wiki/N%C3%A9met_Demokratikus_K%C3%B6zt%C3%A1rsas%C3%A1g truy cập: 2016-07-11

Wikipedia (2016b): *Demographics of Germany* szócikk.

https://en.wikipedia.org/wiki/Demographics_of_Germany truy cập: 2016-07-11

World Bank (2016a): *Population, total* Code: SP.POP.TOTL File dữ liệu. Data Extract From World Development Indicators. truy cập: 2016-07-11.

World Bank (2016b): *Surface area (sq. km)* Code: AG.SRF.TOTL.K2 File dữ liệu. Data Extract From World Development Indicators. truy cập: 2016-07-11.

Tư liệu nền số 4

Các báo cáo so sánh về các nước hậu xã hội chủ nghĩa

Chủ nghĩa tư bản vs. Chủ nghĩa xã hội

Các hình thức chính phủ-chính trị

A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M
No.	Tên nước	Bertelsmann Transformation Index			EBRD Transition Index	World Economic Forum	Bertelsmann Transformation Index				Freedom House Nations In Transit	
		„Market Economy Status” giá trị định lượng	„Market Economy Status” phạm trù định tính	„Competition Policy” giá trị định lượng	„Goods market efficiency” giá trị định lượng	„Democracy Status” giá trị định lượng	„Democracy Status” phạm trù định tính	„Political System” giá trị định lượng	„Status Index” giá trị định lượng	„Political System” phạm trù định tính	„Democracy Score” giá trị định lượng	„Democracy Category” phạm trù định tính
1	Afganistan	2,89	Rudimentary market economy	EBRD Transition Index không công bố dữ liệu	N. A.	3,02	Hard-line autocracy	4,00	2,95	Autocracy	N. A.	Freedom House Nations in Transit không xuất hiện trong các báo cáo
2	Albani	6,46	Functional flaws market economy	2,33	4,34	6,95	Defective democracy	0,00	6,71	Democracy	4,14	Transitional Government or Hybrid Regime
3	Angola	4,07	Poorly functioning market economy	EBRD Transition Index không công bố dữ liệu	2,92	4,25	Moderate autocracy	4,00	4,16	Autocracy	N. A.	Freedom House Nations in Transit không xuất hiện trong các báo cáo
4	Azerbaijan	5,39	Functional flaws market economy	1,67	4,31	3,48	Hard-line autocracy	6,00	4,44	Autocracy	6,86	Consolidated Authoritarian Regime
5	Benin	5,00	Functional flaws market economy	EBRD Transition Index không công bố dữ liệu	3,83	7,55	Defective democracy	0,00	6,28	Democracy	N. A.	Freedom House Nations in Transit không xuất hiện trong các báo cáo

A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M
No.	Tên nước	Bertelsmann Transformation Index	EBRD Transition Index	World Economic Forum	Bertelsmann Transformation Index				Freedom House Nations In Transit			
		„Market Economy Status” giá trị định lượng	„Market Economy Status” phạm trù định tính	„Competition Policy” giá trị định lượng	„Goods market efficiency” giá trị định lượng	„Democracy Status” giá trị định lượng	„Democracy Status” phạm trù định tính	„Political System” giá trị định lượng	„Status Index” giá trị định lượng	„Political System” phạm trù định tính	„Democracy Score” giá trị định lượng	„Democracy Category” phạm trù định tính
6	Bosnia và Hercegovina	6,46	Functional flaws market economy	2,33	3,69	6,30	Defective democracy	0,00	6,38	Democracy	4,50	Transitional Government or Hybrid Regime
7	Bulgari	7,68	Functioning market economy	3,00	4,35	8,15	Democracy in consolidation	0,00	7,91	Democracy	3,25	Semi-Consolidated Democracy
8	Czech Cộng hòa	9,36	Developed market economy	3,00	4,63	9,45	Democracy in consolidation	0,00	9,40	Democracy	2,21	Consolidated Democracy
9	Bắc Triều Tiên	1,68	Rudimentary market economy	EBRD Transition Index không công bố dữ liệu	N. A.	2,60	Hard-line autocracy	6,00	2,14	Autocracy	N. A.	Freedom House Nations in Transit không xuất hiện trong các báo cáo
10	Estonia	9,29	Developed market economy	3,67	4,93	9,70	Democracy in consolidation	0,00	9,49	Democracy	1,93	Consolidated Democracy
11	Etiopia	3,86	Poorly functioning market economy	EBRD Transition Index không công bố dữ liệu	4,07	3,23	Hard-line autocracy	6,00	3,55	Autocracy	N. A.	Freedom House Nations in Transit không xuất hiện trong các báo cáo
12	Belaruss	4,61	Poorly functioning market economy	2,00	N. A.	3,93	Hard-line autocracy	6,00	4,27	Autocracy	6,64	Consolidated Authoritarian Regime
13	Gruzia	5,93	Functional flaws market economy	2,00	4,48	6,70	Defective democracy	0,00	6,31	Democracy	4,61	Transitional Government or Hybrid Regime
14	Croatia	7,46	Functioning market economy	3,33	4,05	8,40	Democracy in consolidation	0,00	7,93	Democracy	3,68	Semi-Consolidated Democracy

A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M
No.	Tên nước	Bertelsmann Transformation Index		EBRD Transition Index	World Economic Forum	Bertelsmann Transformation Index				Freedom House Nations In Transit		
		„Market Economy Status” giá trị định lượng	„Market Economy Status” phạm trù định tính	„Competition Policy” giá trị định lượng	„Goods market efficiency” giá trị định lượng	„Democracy Status” giá trị định lượng	„Democracy Status” phạm trù định tính	„Political System” giá trị định lượng	„Status Index” giá trị định lượng	„Political System” phạm trù định tính	„Democracy Score” giá trị định lượng	„Democracy Category” phạm trù định tính
15	Jemen	3,00	Poorly functioning market economy	EBRD Transition Index không công bố dữ liệu	3,64	2,82	Hard-line autocracy	6,00	2,91	Autocracy	N. A.	Freedom House Nations in Transit không xuất hiện trong các báo cáo
16	Campuchia	4,50	Poorly functioning market economy	EBRD Transition Index không công bố dữ liệu	4,15	3,73	Hard-line autocracy	5,00	4,12	Autocracy	N. A.	Freedom House Nations in Transit không xuất hiện trong các báo cáo
17	Kazakhstan	6,04	Functional flaws market economy	2,00	4,48	3,73	Hard-line autocracy	6,00	4,88	Autocracy	6,61	Consolidated Authoritarian Regime
18	Trung Quốc	6,61	Functional flaws market economy	EBRD Transition Index không công bố dữ liệu	4,37	3,28	Hard-line autocracy	6,00	4,95	Autocracy	N. A.	Freedom House Nations in Transit không xuất hiện trong các báo cáo
19	Kirgizistan	5,46	Functional flaws market economy	EBRD Transition Index không công bố dữ liệu	N. A.	5,95	Highly defective democracy	0,00	5,71	Democracy	5,89	Semi-Consolidated Authoritarian Regime
20	Kosovo (địa vị pháp lý tranh chấp)	6,00	Functional flaws market economy	2,33	N. A.	6,65	Defective democracy	0,00	6,33	Democracy	5,07	Semi-Consolidated Authoritarian Regime
21	Cuba	4,61	Poorly functioning market economy	EBRD Transition Index không công bố dữ liệu	N. A.	3,68	Hard-line autocracy	5,00	4,15	Autocracy	N. A.	Freedom House Nations in Transit không xuất hiện trong các báo cáo
22	Kongo, Cộng hòa („Brazzaville-Congo”)	3,71	Poorly functioning market economy	EBRD Transition Index không công bố dữ liệu	N. A.	3,45	Hard-line autocracy	6,00	3,58	Autocracy	N. A.	Freedom House Nations in Transit không xuất hiện trong các báo cáo

A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M
No.	Tên nước	Bertelsmann Transformation Index		EBRD Transition Index	World Economic Forum	Bertelsmann Transformation Index				Freedom House Nations In Transit		
		„Market Economy Status” giá trị định lượng	„Market Economy Status” phạm trù định tính	„Competition Policy” giá trị định lượng	„Goods market efficiency” giá trị định lượng	„Democracy Status” giá trị định lượng	„Democracy Status” phạm trù định tính	„Political System” giá trị định lượng	„Status Index” giá trị định lượng	„Political System” phạm trù định tính	„Democracy Score” giá trị định lượng	„Democracy Category” phạm trù định tính
23	Lào	4,75	Poorly functioning market economy	EBRD Transition Index không công bố dữ liệu	N. A.	2,90	Hard-line autocracy	6,00	3,83	Autocracy	N. A.	Freedom House Nations in Transit không xuất hiện trong các báo cáo
24	Ba Lan	8,96	Developed market economy	3,67	4,51	9,50	Democracy in consolidation	0,00	9,23	Democracy	2,32	Consolidated Democracy
25	Latvia	8,50	Developed market economy	3,67	4,64	8,75	Democracy in consolidation	0,00	8,63	Democracy	2,07	Consolidated Democracy
26	Litva	9,00	Developed market economy	3,67	4,64	9,30	Democracy in consolidation	0,00	9,15	Democracy	2,32	Consolidated Democracy
27	Macedonia	7,07	Functioning market economy	EBRD Transition Index không công bố dữ liệu	N. A.	6,65	Defective democracy	0,00	6,86	Democracy	4,29	Transitional Government or Hybrid Regime
28	Hungary	7,79	Functioning market economy	3,33	4,29	7,60	Defective democracy	0,00	7,69	Democracy	3,29	Semi-Consolidated Democracy
29	Moldova	5,79	Functional flaws market economy	2,33	4,06	6,70	Defective democracy	0,00	6,24	Democracy	4,89	Transitional Government or Hybrid Regime
30	Mông Cổ	5,93	Functional flaws market economy	2,67	4,24	7,30	Defective democracy	0,00	6,61	Democracy	N. A.	Freedom House Nations in Transit không xuất hiện trong các báo cáo
31	Montenegro	7,11	Functioning market economy	2,33	4,30	7,85	Defective democracy	0,00	7,48	Democracy	3,93	Semi-Consolidated Democracy

A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M
No.	Tên nước	Bertelsmann Transformation Index		EBRD Transition Index	World Economic Forum	Bertelsmann Transformation Index				Freedom House Nations In Transit		
		„Market Economy Status” giá trị định lượng	„Market Economy Status” phạm trù định tính	„Competition Policy” giá trị định lượng	„Goods market efficiency” giá trị định lượng	„Democracy Status” giá trị định lượng	„Democracy Status” phạm trù định tính	„Political System” giá trị định lượng	„Status Index” giá trị định lượng	„Political System” phạm trù định tính	„Democracy Score” giá trị định lượng	„Democracy Category” phạm trù định tính
32	Mozambik	4,86	Poorly functioning market economy	EBRD Transition Index không công bố dữ liệu	3,97	5,60	Highly defective democracy	0,00	5,23	Democracy	N. A.	Freedom House Nations in Transit không xuất hiện trong các báo cáo
33	Đức	A Bertelsmann không công bố dữ liệu		EBRD Transition Index không công bố dữ liệu	4,92	A Bertelsmann không công bố dữ liệu				N. A.	Freedom House Nations in Transit không xuất hiện trong các báo cáo	
34	Nicaragua	5,46	Functional flaws market economy	EBRD Transition Index không công bố dữ liệu	3,77	5,60	Highly defective democracy	0,00	5,53	Democracy	N. A.	Freedom House Nations in Transit không xuất hiện trong các báo cáo
35	Liên bang Nga	5,71	Functional flaws market economy	EBRD Transition Index không công bố dữ liệu	N. A.	4,40	Moderate autocracy	4,00	5,06	Autocracy	6,50	Consolidated Authoritarian Regime
36	Armenia	5,89	Functional flaws market economy	2,33	4,46	5,23	Moderate autocracy	2,00	5,56	Autocracy	5,36	Semi-Consolidated Authoritarian Regime
37	Rumani	7,96	Functioning market economy	3,33	4,28	8,15	Democracy in consolidation	0,00	8,06	Democracy	3,46	Semi-Consolidated Democracy
38	Serbia	7,00	Functioning market economy	2,33	3,74	7,85	Defective democracy	0,00	7,43	Democracy	3,75	Semi-Consolidated Democracy
39	Slovakia	8,64	Developed market economy	EBRD Transition Index không công bố dữ liệu	N. A.	8,85	Democracy in consolidation	0,00	8,75	Democracy	2,61	Consolidated Democracy
40	Slovenia	8,82	Developed market economy	2,67	4,50	9,20	Democracy in consolidation	0,00	9,01	Democracy	2,00	Consolidated Democracy

A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M
No.	Tên nước	Bertelsmann Transformation Index		EBRD Transition Index	World Economic Forum	Bertelsmann Transformation Index				Freedom House Nations In Transit		
		„Market Economy Status” giá trị định lượng	„Market Economy Status” phạm trù định tính	„Competition Policy” giá trị định lượng	„Goods market efficiency” giá trị định lượng	„Democracy Status” giá trị định lượng	„Democracy Status” phạm trù định tính	„Political System” giá trị định lượng	„Status Index” giá trị định lượng	„Political System” phạm trù định tính	„Democracy Score” giá trị định lượng	„Democracy Category” phạm trù định tính
41	Somalia	1,25	Rudimentary market economy	EBRD Transition Index không công bố dữ liệu	N. A.	1,50	Hard-line autocracy	7,00	1,38	Autocracy	N. A.	Freedom House Nations in Transit không xuất hiện trong các báo cáo
42	Tajikistan	3,64	Poorly functioning market economy	1,67	4,12	3,55	Hard-line autocracy	6,00	3,60	Autocracy	6,54	Consolidated Authoritarian Regime
43	Turkmenistan	3,93	Poorly functioning market economy	1,00	N. A.	2,85	Hard-line autocracy	6,00	3,39	Autocracy	6,93	Consolidated Authoritarian Regime
44	Ukraina	5,36	Functional flaws market economy	2,33	4,02	6,75	Defective democracy	0,00	6,05	Democracy	4,68	Transitional Government or Hybrid Regime
45	Uzbekisztán	3,79	Poorly functioning market economy	1,67	N. A.	3,02	Hard-line autocracy	6,00	3,40	Autocracy	6,93	Consolidated Authoritarian Regime
46	Việt Nam	5,93	Functional flaws market economy	EBRD Transition Index không công bố dữ liệu	4,23	3,52	Hard-line autocracy	6,00	4,72	Autocracy	N. A.	Freedom House Nations in Transit không xuất hiện trong các báo cáo
47	Zimbabwe	3,46	Poorly functioning market economy	EBRD Transition Index không công bố dữ liệu	3,54	4,20	Moderate autocracy	3,00	3,83	Autocracy	N. A.	Freedom House Nations in Transit không xuất hiện trong các báo cáo

Giải thích

cho Tư liệu nền số 4. Các báo cáo so sánh về các nước *h* u xã hội chủ nghĩa

Cột A

Số thứ tự

Cột B

Tên nước

Chủ nghĩa tư bản vs. chủ nghĩa xã hội (các cột C-F)

Cột C: „Market Economy Status-Trạng thái Kinh tế Thị trường” giá trị định lượng

Bertelsmann công bố dữ liệu về trạng thái kinh tế thị trường của 129 nước vào cuối tháng giêng 2015. Hình dung của Bertelsmann về nền kinh tế thị trường dựa vào đầu ra kinh tế có thể đo được, vào quy chế cạnh tranh, bên cạnh các quyền sở hữu còn áp dụng cách tiếp cận rộng hơn, mà bao gồm các chiều kích công bằng xã hội, mạng lưới xã hội và tính bền vững nữa. Nguồn của các số liệu định lượng chính xác có thể thấy ở cột 108 trên worksheet có tên „BTI 2016” của file dữ liệu Bertelsmann, 2016c, Market Economy Status, mà là trung bình cộng của 14 chỉ số (rộng hơn xem: Bertelsmann, 2016a: pp. 2-3 và Bertelsmann, 2016b: pp. 25-33). Giá trị này nằm trên một thang từ 1 đến 10, nơi 1 là tồi nhất, 10 là tốt nhất.

Cột D: „Market Economy Status” phạm trù định tính

Giá trị định lượng ở cột C cũng có thể được liệt kê vào phạm trù định tính. Tại cột 110 trên worksheet có tên „BTI 2016” của file dữ liệu Bertelsmann, 2016c có thể thấy phạm trù định tính Market Economy Status, mà sử dụng 5 phạm trù con: i. Developed market economy, ii. Functioning market economy, iii. Market Economy with Functional flaws, iv. Poorly functioning Market Economy, v. Rudimentary Market Economy.

Cột E: „Competition Policy-Chính sách Cạnh tranh” giá trị định lượng

Nguồn: trên cột thứ 28 của worksheet có tên „Page1_1” của file dữ liệu EBRD, 2015b Tic có thể thấy chỉ số Competition policy liên quan đến 35 nước cho năm 2014 về các quy chế pháp lý và các định chế điều tiết cạnh tranh coa hiệu quả đến đâu, cũng như các hạn chế của việc gia nhập một số thị trường là thế nào. Giá trị này nằm trên một thang từ 1 đến 4,3 (1 tồi nhất, 4,3 tốt nhất). Phương pháp luận đo các chỉ số này của EBRD có thể thấy ở nguồn: EBRD, 2015a: pp. 3.

Cột F: „Goods market efficiency-Tính hiệu quả của thị trường các hàng hóa” giá trị định lượng

Các dữ liệu định lượng chính xác có thể thấy ở dòng 575 tính từ trên xuống cho năm 2015 (cũng như cho hai nước, Angola và Jemen trong dòng 1523) của file dữ liệu có tên „GCI_Dataset_2006-2015” của World Economic Forum. Cái gọi là chỉ số „Goods market efficiency” có nội dung kinh tế: nó tổng hợp vào một chỉ số giữa các thứ khác là sự chi phối của thị trường, cường độ cạnh tranh nội địa và quốc tế, hệ thống thuế khuyến khích đầu tư, vai trò của các loại thuế quan và các các biện pháp chống độc quyền. Giá trị định lượng này nằm trên một thang từ 1 đến 7 (1 tồi nhất, 7 tốt nhất). Nhiều hơn về hệ thống có thể đọc (WEF, 2016a trên các trang 13-15).

Các hình thức chính phủ-chính trị từ cột G đến cột M

Cột G: „Democracy Status-Trạng thái dân chủ” giá trị định lượng

Bertelsmann công bố dữ liệu cho giai đoạn cuối tháng Giêng 2015 về trạng thái dân chủ của 129 nước. Giá trị Democracy Status là trung bình cộng của 18 chỉ số có thể thấy ở cột thứ 106 trên worksheet có tên , BTI 2016 của Bertelsmann, 2016c (nhiều hơn xem: Bertelsmann, 2016a: pp. 2-3 và Bertelsmann, 2016b: pp. 15-24). Giá trị này nằm trên một thang từ 1 đến 10, nơi 1 tồi nhất, 10 tốt nhất.

Cột H: „Democracy Status-Trạng thái Dân chủ” phạm trù định tính

Giá trị định lượng ở cột G cũng có thể được liệt kê vào phạm trù định tính. Nguồn: tại cột thứ 107 của worksheet có tên „BTI 2016” của Bertelsmann 2016c có thể thấy tên gọi phạm trù định tính, có thể thuộc về 5 phạm trù: i. Democracies in consolidation, ii. Defective democracies, iii. Highly defective democracies, iv. Moderate autocracies, v. Hard-line autocracies

Cột I: „Political System-Hệ thống chính trị” giá trị định lượng

Bertelsmann công bố dữ liệu cho giai đoạn cuối tháng Giêng 2015 về trạng thái hệ thống chính trị của 129 nước. Giá trị Political System là tổng của 7 chỉ số (quan trọng là không phải trung bình), chỗ chính xác là cột thứ 98 trên worksheet có tên BTI 2016 của Bertelsmann 2016c (nhiều hơn xem: Bertelsmann, 2016a: pp. 8-9 và Bertelsmann, 2016b: pp. 15-24). Giá trị này nằm trên thang từ 0 đến 6, nơi 0 tốt nhất, 6 tồi nhất.

Cột J: „Status Index- Index Trạng thái” giá trị định lượng

Giá trị Status Index System là trung bình cộng của 2 chỉ số (Democracy và Market Economy Status), chỗ chính xác là cột thứ 4 trên worksheet có tên BTI 2016 của Bertelsmann, 2016c (nhiều hơn xem: Bertelsmann, 2016a: p. 8 và Bertelsmann, 2016b: p. 4). Giá trị này nằm trên thang từ 1 đến 10, nơi 1 tốt nhất và 10 tồi nhất,

Cột K: „Political System-Hệ thống Chính trị” phạm trù định tính

Giá trị định lượng ở cột I cũng có thể được liệt kê vào phạm trù định tính. Nguồn: dưới cột thứ 99 trên worksheet có tên „BTI 2016” của Bertelsmann, 2016c có thể thấy giá trị định tính của phạm trù, nơi Bertelsmann Index sử dụng hai sự liệt kê trong trường hợp của Political System: Democracy, và Autocracy

Cột L: „Democracy Score-Điểm số Dân chủ” giá trị định lượng

Democracy Score là trung bình cộng của 7 giá trị được gắn với 7 quan điểm xem xét dưới đây liên quan đến thời điểm cuối năm 2015 cho 29 nước. 7 phạm trù là: i. thủ tục bầu cử, ii. xã hội dân sự, iii. media độc lập, iv. chất lượng dân chủ của sự quản trị, v. chất lượng dân chủ của tính tự quản địa phương, vi. hệ thống định chế và tính độc lập của tư pháp và vii. tham nhũng, đối với mỗi trong 7 quan điểm này có một thang điểm từ 1 đến 7 (1 tốt nhất, 7 tồi nhất) nhiều hơn về chúng có thể xem Freedom House, 2016a: pp. 1-7.

Cột M: „Democracy Category-Phạm trù Dân chủ” phạm trù định tính

Trên cơ sở giá trị của chỉ số Democracy Score (DS) Freedom House định nghĩa 5 phạm trù con khác nhau, mà như sau: i. Consolidated Democracy (nếu DS lớn hơn 1,00 và nhỏ hơn 3,00), ii. Semi-Consolidated Democracy (nếu DS lớn hơn hay bằng 3,00 và nhỏ hơn 4,00), iii. Transitional government/Hybrid Regime (nếu DS lớn hơn hay bằng 4,00 và nhỏ hơn 5,00), iv. Semi-Consolidated Authoritarian Regime (nếu DS lớn hơn hay bằng 5,00 và nhỏ hơn 6,00) và v. Consolidated Authoritarian Regime (nếu DS lớn hơn hoặc bằng 6,00). Nhiều hơn về các giá trị của năm 2015 xem một số báo cáo của mỗi nước (Freedom House 2016b), hay Schenkkan, 2016: pp. 21-22. Nhiều hơn về phương pháp luận có thể xem Freedom House, 2016a: pp. 7-12. và Schenkkan, 2016: pp. 20.

Ghi chú cho cột L và M. Báo cáo Nations in Transit của Freedom House được sử dụng cho hai cột này không chú ý đến tất cả các nước hậu xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xem xét. Trong trường hợp các nước này các chỉ số định lượng và các đánh giá định tính có thể thấy trong báo cáo Freedom House (2016c). Chúng tôi đã chú ý đến các đánh giá được công bố ở đó khi soạn tư liệu nền số 2 và trên cơ sở đó hai bản đồ thế giới, tức là khi soạn hình 2 và 3 thuộc văn bản, cũng như diễn đạt phần liên quan của văn bản của tiểu luận.

Các nguồn

- Bertelsmann Stiftung (2016a): *Transformation Index Methodology*, <https://www.bti-project.org/en/index/methodology/> truy cập: 2016-06-16
- Bertelsmann Stiftung (2016b): *Codebook for Country Assessments*. https://www.bti-project.org/fileadmin/files/BTI/Downloads/Zusaetzliche_Downloads/Codebook_BTI_2016.pdf truy cập: 2016-06-16
- Bertelsmann Stiftung (2016c): *Bertelsmann Transformation Index Các báo cáo nước*. www.bti-project.org/fileadmin/files/BTI/Downloads/Zusaetzliche_Downloads/BTI_2016_Scores.xlsx File dữ liệu. truy cập: 2016-06-16
- European Bank of Reconstruction and Development (2015a): *Methodology*. <http://www.ebrd.com/cs/Satellite?c=Content&cid=1395237866249&d=&pagename=EBRD%2FContent%2FContentLayout> truy cập: 2016-06-16
- European Bank of Reconstruction and Development (2015b): *Country-level transition indicators*. File dữ liệu. <http://www.ebrd.com/what-we-do/economic-research-and-data/data/forecasts-macro-data-transition-indicators.html>; www.ebrd.com/cs/Satellite?c=Content&cid=1395245467784&d=&pagename=EBRD%2FContent%2FDownloadDocument truy cập: 2016-06-16
- Freedom House (2016a): *Methodology*. <https://freedomhouse.org/report/nations-transit-2015/methodology> truy cập: 2016-06-16
- Freedom House (2016b): *Nations In Transit Các báo cáo nước*. <https://freedomhouse.org/report/nations-transit-2016/nit-2016-table-country-scores> truy cập: 2016-06-16
- Freedom House (2016c): *Freedom in the World 2016. Table of Country Scores*. <https://freedomhouse.org/report/freedom-world-2016/table-scores> truy cập: 2016-07-25
- Schenkkan, N. (2016): *Nations in Transit 2016 - Europe and Eurasia Brace for Impact* https://freedomhouse.org/sites/default/files/FH_NIT2016_Final_FWeb.pdf truy cập: 2016-06-16
- World Economic Forum (2016a): *Appendix: Methodology and Computation of the Global Competitiveness Index 2015–2016*. <http://reports.weforum.org/global-competitiveness-report-2015-2016/appendix-methodology-and-computation-of-the-global-competitiveness-index-2015-2016/> truy cập: 2016-06-16
- World Economic Forum (2016b): *Global Competitiveness Report*. File dữ liệu. <http://reports.weforum.org/global-competitiveness-report-2015-2016/> ; www3.weforum.org/docs/gcr/2015-2016/GCI_Dataset_2006-2015.xlsx truy cập: 2016-06-16

Tư liệu nền số 5

Ảnh hưởng của xung đột vũ trang và islam trong một số nước hậu xã hội chủ nghĩa *

STT ¹	Tên nước ngày nay	Bertelsmann BTI: chỉ số trạng thái (S, SI, SII), ảnh hưởng tín ngưỡng (Q1.3) ²	NiT ³ của Freedom House	HDI ⁴ của LHQ	Có chiến tranh trong 2013-2016?	Islam có là tín ngưỡng chính? (muslim %)	Nếu có, giáo hội có can thiệp vào thị trường không?	Nguồn
1.	Afganistan	S: 2.95 SI: hard-line autocracy, SII: rudimentary Q1.3: 3	–	0.465 low human development	có và không: không có chiến tranh toàn diện, có các trận chiến (Taliban, ISIS)	có (98%, 99.7%)	Có: ảnh hưởng của islam mạnh hơn trung bình: hệ thống lai	Pryor (2007), Byrd (2016), CIA (2016a), Pew (2009, 2012, 2013), Bertelsmann (2016c,d), Sieff-Partlow (2014), UN News Centre (2015)
2.	Albani	S: 6.71 SI: defective democracy, SII: functional flaws Q1.3: 10	4.14 transitional government or hybrid regime	0.73 high human development	không	có (57%, 39%, 80%)	Không: chính quyền ủng hộ thị trường; giáo lý không có ảnh hưởng.	CIA (2016b), Pryor (2007:1818, 1822), Pew (2009, 2012, 2013), Bertelsmann (2016c), Tanner (2015)
3.	Angola	S: 4.16 SI: moderate autocracy, SII: poorly functioning Q1.3: 9	–	0.532 low human development	không	không (0,5%, 5%, 1%)	Không: tỷ lệ muslim thấp; có thể là islam bị săn đuổi	Pew (2009: 30), Cabeche-Smith (2013), Yashar (2013), Bertelsmann (2016 a, c)
4.	Azerbaijan	S: 4.44 SI: hard-line autocracy, SII: functional flaws Q1.3: 8	6.86 consolidated authoritarian regime	0.751 high human development	không	có (97%, 94%, 84%, 99%)	Đa phần không, nhưng sự phơi ra với islam tăng lên	CIA (2016d), Pryor (2007:1817), Pew (2009, 2012, 2013), Valiyev (2005), Souleimanov-Ehrmann (2013), Freedom House (2016b)
6.	Bosnia và Hercegovina	S: 6.38 SI: defective democracy, SII: functional flaws Q1.3: 8	4.5 transitional government or hybrid regime	0.73 high human development	không	không (40%, 60%, 40%)	Không: nhà nước cản trở islam hóa từ 2001	CIA (2016e), Pryor (2007:1817), Pew (2009, 2012, 2013), Babic (2014), Freedom House (2016c)
11.	Etiopia	S: 3.55 SI: hard-line autocracy, SII: poorly functioning Q1.3: 6	–	0.442 low human development	không	không (34%)	Không: muslim thiểu số, ảnh hưởng giáo lý trung bình.	CIA (2016f), Pew (2009, 2012, 2013)
15.	Jemen	S: 2.91 SI: hard-line autocracy, SII: poorly functioning Q1.3: 10	–	0.498 low human development	có: nổi dậy (2011-), nội chiến (2014-), Saudi-Arabia can thiệp (2015-)	có (99%, 99%, 99%)	Có: nội chiến vì lý do tôn giáo (súita-sunitta) đã đưa đất nước đến sụp đổ hoàn toàn.	CIA (2016h), Amnesty (2016), Pew (2009: 29), Pryor (2007:1817), BBC (2015), Fahim (2016), World Bank (2016)

STT ¹	Tên nước ngày nay	Bertelsmann BTI: chỉ số trạng thái (S, SI, SII), ảnh hưởng tín ngưỡng (Q1.3) ²	NiT ³ của Freedom House	HDI ⁴ của LHQ	Có chiến tranh trong 2013-2016?	Islam có là tín ngưỡng chính? (muslim %)	Nếu có, giáo hội có can thiệp vào thị trường không?	Nguồn
19.	Kirgizistan	S: 5.71 SI: highly defective democracy, SII: functional flaws Q1.3: 9	5.89 semi-consolidated authoritarian regime	0.655 medium human development	không (2010: xung đột sắc tộc giữa người kirgiz và người uzbek)	có (75%, 60%, 86%)	Không: các nguồn của tôi không nhắc đến thế, không có ảnh hưởng	CIA (2016i), Pryor (2007:1817), Pew (2009, 2012, 2013), Hiro (2009), Galdini (2015), Pikulicka-Wilczewska (2015)
20.	Kosovo (tranh chấp địa vị pháp lý)	S: 6.33 SI: defective democracy, SII: functional flaws Q1.3: 9	5.07 semi-consolidated authoritarian regime	–	không	có (96%, 90%)	Không có dữ liệu cụ thể: xã hội bị islam hóa mạnh, nhưng không rõ có ảnh hưởng thế nào đến thị trường.	CIA (2016j), Babic (2014), Pew (2009, 2012, 2013), Call (2016)
41.	Somali	S: 1.38 SI: hard-line autocracy, SII: rudimentary Q1.3: 9	–	–	có: 2012- nội chiến, bây giờ đình chiến	có (99%, 98%, 98.5%)	Không: ảnh hưởng của các giáo lý không đáng kể.	CIA (2016o), Pryor (2007:1817), Pew (2009: 31)
42.	Tajkistan	S: 3.60 SI: hard-line autocracy, SII: poorly functioning Q1.3: 6	6.54 consolidated authoritarian regime	0.624 medium human development	không; xung đột islamist ở miền đông (2012-)	có (95%, 84%, 84%)	Không: đúng hơn là tham nhũng được thể chế hóa ảnh hưởng đến thị trường và nhà nước	CIA (2016p), Pryor (2007:1817), Pew (2009, 2012, 2013), Hiro (2009), Guardian (2016a,b), Lewis (2016), Trilling (2015)
43.	Turkmenistan	S: 3.39 SI: hard-line autocracy, SII: poorly functioning Q1.3: 3	6.93 consolidated authoritarian regime	0.688 medium human development	Không	có (89%, 87%, 93%)	Bức tranh mâu thuẫn: theo một số nguồn ảnh hưởng tôn giáo mạnh hơn trung bình, hệ thống lai; theo các nguồn khác nhà nước săn đuổi islam một cách chọn lọc.	CIA (2016q), Pryor (2007:1817), Pew (2009, 2012), Hiro (2009), Guardian (2016c), Recknagel-Tahir (2013)
45.	Uzbekistan	S: 3.40 SI: hard-line autocracy, SII: poorly functioning Q1.3: 7	6.93 consolidated authoritarian regime	0.675 medium human development	Không	có (88%, 76%, 96%)	Không: đúng hơn chính nhà nước hạn chế thực hành tín ngưỡng islam	CIA (2016r), Pryor (2007:1817), Pew (2009: 29), Hiro (2009), Guardian (2015), Krausen (2015)

Các ghi chú

* Reményi Andrea tập hợp dữ liệu nền số 5.

¹ Số thứ tự theo số thứ tự của dữ liệu nền số 2. Bảng chỉ giới thiệu các nước có dân số islam đáng kể.

² Giá trị tổng cộng của Bertelsmann (2016a) Transition Index (BTI) ($S = status\ index$, giữa 1-10 điểm), mà là trung bình của các giá trị của các index phân trạng: index thái dân chủ (SI) và trạng thái kinh tế thị trường (SII).

Index ảnh hưởng của các giáo lý tôn giáo (Q1.3) (Bertelsmann 2016c: 17):

10 -- The state is secular. Religious dogmas have no noteworthy influence on legal order or political institutions.

7 -- The state is largely secular. However, religious dogmas have considerable influence on legal order and political institutions.

4 -- Secular and religious norms are in conflict about the basic constitution of the state or are forming a hybrid system.

1 -- The state is theocratic. Religious dogmas define legal order and political institutions.

³ Các lớp dân chủ của Freedom House (2016) Nations in Transition (NiT):

below 3 – consolidated democracy

3-4 – semi-consolidated democracy

4-5 – transitional government or hybrid regime

5-6 – semi-consolidated authoritarian regime

above 6 – consolidated authoritarian regime

⁴ Các lớp của UN (2015) Human Development Index (HDI):

0.8-1.00 – very high human development

0.7-0.8 – high human development

0.55-0.7 – medium human development

Below 0.55 – low human development

Vài phân tích nền quan trọng

Pew Research Center (Pew 2009, 2012, 2013)

Trung tâm Nghiên cứu Pew có trụ sở ở Washington (DC) đều đặn đưa ra các phân tích về đời sống tôn giáo của thế giới (*The Pew Forum on Religion and Public Life*). Tổng quan nhân khẩu học toàn cầu gần đây nhất về sự phổ biến của Islam được công bố trong năm 2009. Giữa các năm 2008-2012 trong 39 nước họ đã làm nhiều hơn 38 ngàn cuộc phỏng vấn (!), trên cơ sở này nhiều ấn phẩm đã xuất hiện, giữa chúng là hai ấn phẩm sau.

Phân tích được công bố năm 2012 giới thiệu các chi tiết tín ngưỡng và sự thực hành tín ngưỡng của những người muslim (Pew 2012). Thí dụ trong các nước được tôi xem xét, hàng năm người ta đóng *zakat* (cúng dường tôn giáo; xem, Pryor 2007 được giới thiệu dưới đây.) Tỷ lệ người theo tín ngưỡng Muslim ở Afganistan là 91, ở Albani 43, ở Azerbaijan 59, ở Bosnia-Hercegovina 81, ở Etiopia 82, ở Kirgizistan 77, ở Kosovo 69, ở Tajkistan 66, ở Uzbekistan là 73 phần trăm (Pew 2012: 52).

Trong năm 2013 họ công bố một phân tích lớn (226 trang) về mối quan hệ của Islam với chính trị và xã hội, trong đó có một chương dành cho *sharia* (luật islam). Báo cáo phân tích riêng vấn đề: trong một số nước tỷ lệ dân cư ủng hộ việc đưa *sharia* vào như nguồn luật chính thức (15, tr. 46-48) là bao nhiêu. Giữa các nước được tôi phân tích, thì tỷ lệ của những người có tín ngưỡng Muslim ủng hộ việc đưa *sharia* vào như nguồn luật chính thức ở Afganistan là 99, ở Albani 12, ở Azerbaijan 8, ở Bosnia-Hercegovina 15, ở Etiopia 65, ở Kirgizistan 35, ở Kosovo 20, ở Tadjikistan 27 phần trăm.

Giữa những người muslim tỷ lệ ủng hộ sự phán xử của các tòa án islam về luật gia đình ở Albani là 11%, Azerbaijan 8%, ở Bosnia-Hercegovina 6%, ở Etiopia 65%, Kirgizistan 44%, Kosovo 10%, Tadjikistan 33%. Ở Afganistan, nơi trong thực tế các tòa án islam quyết định trong các trường hợp như vậy, tỷ lệ ủng hộ là 78% (Pew 2013: 19).

Tỷ lệ người muslim trả lời ủng hộ nhà lãnh đạo mạnh tay hay dân chủ, ở Afganistan 51% ủng hộ lãnh đạo mạnh, 45% ủng hộ dân chủ, ở Albani tỷ lệ là 25-69, Azerbaijan 42-51, Bosnia-Hercegovina 51-47, Etiopia 26-72, Kirgizistan 64-32, Kosovo 13-76, Tadjikistan 20-76% (Pew 2013: 60).

Tỷ lệ người muslim trả lời rằng lãnh tụ tôn giáo nên có ảnh hưởng chính trị đáng kể hay ảnh hưởng chính trị nào đó: ở Afganistan 82, Albani 15, Azerbaijan 14, Bosnia-Hercegovina 17, Kirgizistan 46, Kosovo 27, Tadjikistan 28%. (Họ không hỏi câu hỏi này ở các nước hạ-Sahara; Pew 2013: 64).

Có lẽ báo hiệu tốt cho thiên hướng cực đoan chính trị là tỷ lệ người muslim mà theo họ các vụ mưu sát tự tử thường xuyên hay đôi khi có thể là có lý: ở Afganistan tỷ lệ này là 39, Albani 6, Azerbaijan 1, Bosnia-Hercegovina 3, Kirgizistan 10, Kosovo 11, Tadjikistan 3 phần trăm (Họ không hỏi câu hỏi này ở Etiopia; Pew 2013: 70).

Pryor (2007)

Pryor (2007) cho tổng quan chung về islam có tác động gì đến nền kinh tế trong các nước muslim. Ông khảo sát 44 định chế kinh tế (các chỉ báo về: 12 thị trường sản phẩm, 6 thị trường sức lao động, 10 kinh doanh, 6 tài chính và 10 chính phủ; 2007: 1833-1834) với phân tích định lượng: với phân tích tạo cụm (cluster) và phân tích hồi quy, và rút ra kết luận rằng, không có hệ thống kinh tế muslim đặc biệt, thậm chí, có ít định chế kinh tế muslim riêng biệt. Ngoài ra ít tác động của sự hiện diện của islam có thể được chỉ ra đối với phần lớn các chỉ số kinh tế và xã hội. Việc thảo luận các chủ đề liên quan đến các hoạt động kinh tế trong *Koran* là quá chung chung để có thể thích hợp cho việc rút ra những kết luận có thể kiểm thử được (cũng vậy trong trường hợp *Tân ước* đối với nền kinh tế của các nước phần lớn thiên chúa giáo; Pryor 2007: 1816). Các trường phái giải nghĩa luật muslim thường không đồng ý với nhau về việc rút ra các kết luận.

Một thí dụ chính của Pryor (2007: 1818) là giáo lý muslim cấm thu lãi (*riba*). Mâu thuẫn với việc này một số nước (thí dụ Iran) cho phép khoản trả trước (*advanced payment*) phù hợp với lợi nhuận tương lai theo hóa đơn. Còn thường xuyên hơn là cái gọi là khoản cho vay ghi tăng lên (*mark-up loan, murabaha*), mà trong quá trình đó đầu tiên ngân hàng mua cái khoản có vẻ như đầu tư của khách hàng, rồi bán lại ngay lập tức cho người đó với giá cao hơn, và khách hàng trả dần giá mua cao hơn này. Nhiều chính phủ muslim cũng trả lãi cho các trái phiếu nhà nước, thậm chí cho các khoản tiết kiệm bưu điện. Ngoài ra cuối các năm 1990 trong các nước muslim các ngân hàng muslim đã xử lý chỉ 17 phần trăm của các khoản để dành (Pryor 2007:1818).

Một giáo lý kinh tế quan trọng khác là khoản từ thiện dưới dạng (cúng) đóng góp tín ngưỡng một lần hàng năm (*zakat/zakah*): trong một số nước khoản này là bắt buộc, và được thu như thuế, trong trường hợp thừa kế cũng phải chia tài sản giữa những người thân (Pryor 2007: 1819).

Trong số các nước được tôi xem xét, trên cơ sở phân tích tạo cụm Pryor (2007: 1822) liệt kê các nước sau *theo các hệ thống kinh tế* vào các nhóm:

-- chính phủ truyền thống (muslim): Etiopia

-- chính phủ ủng hộ thị trường: Albani

-- ảnh hưởng trực tiếp quan trọng của chính phủ: Azerbaijani, Kirgizistan, Uzbekistan

Theo thành tích kinh tế phân tích tạo cụm thấy các nước do tôi xem xét trong các nhóm sau (Pryor 2007: 1825):

-- tăng trưởng tương đối thấp, lạm phát tương đối cao: Azerbaijan, Kirgizistan

-- định hướng tương đối cao về giáo dục và y tế: Uzbekistan

-- định hướng tương đối thấp về giáo dục và y tế: Etiopia

Dựa trên những phân tích định lượng mà một phần được nêu ở trên ông rút ra kết luận rằng, ông không biết phân biệt các nước muslim với phân tích dựa trên các chỉ số kinh tế sâu rộng trên.

Platteau (2008)

Trong một nghiên cứu quan trọng khác về đề tài này Platteau (2008) cũng đặt câu hỏi về các nước muslim, rằng tín ngưỡng có thể cản trở sự phát triển kinh tế và sự thay đổi thể chế hay không. Ông soát nhiều phân tích, và chỉ ra rằng trong khi đa phần giả thuyết-null nên bác bỏ, mà theo đó sự thuộc về tôn giáo không tương quan với thành tích kinh tế (2008: 329), lần lượt không thành công để chỉ ra mối quan hệ của thành tích và các tôn giáo. (Cũng chỉ ra một cách ngắn gọn các sai lầm về mặt logic và thực tế của đạo đức tin lành kêu Weber, 2008: 330-331.) Tiểu luận đã bác bỏ luận đề nổi tiếng của Bernard Lewis (*What went wrong?* 2002) (nguyên nhân của sự thiếu dân chủ của các nước islam là, không có sự tách biệt giữa tôn giáo và chính trị), giữa những thứ khác vì những điều sau: tuy chính trị và tôn giáo đan xen vào nhau trong các nước này, tôn giáo chẳng bao giờ là chủ nhân, mà là cô hầu của chính trị; ảnh hưởng của tôn giáo mạnh lên trong các tình huống khủng hoảng; như một giải pháp dễ hơn các chính trị gia bị tấn công mới tới sự dẫn chiếu đến islam, hơn là tới cải cách thể chế; ngoài ra truyền thống của hệ thống cổ điển của islam, như cái bẫy thể chế, cũng làm cho các cuộc cải cách thành khó (Platteau 2008: 329).

Rougier (2016)

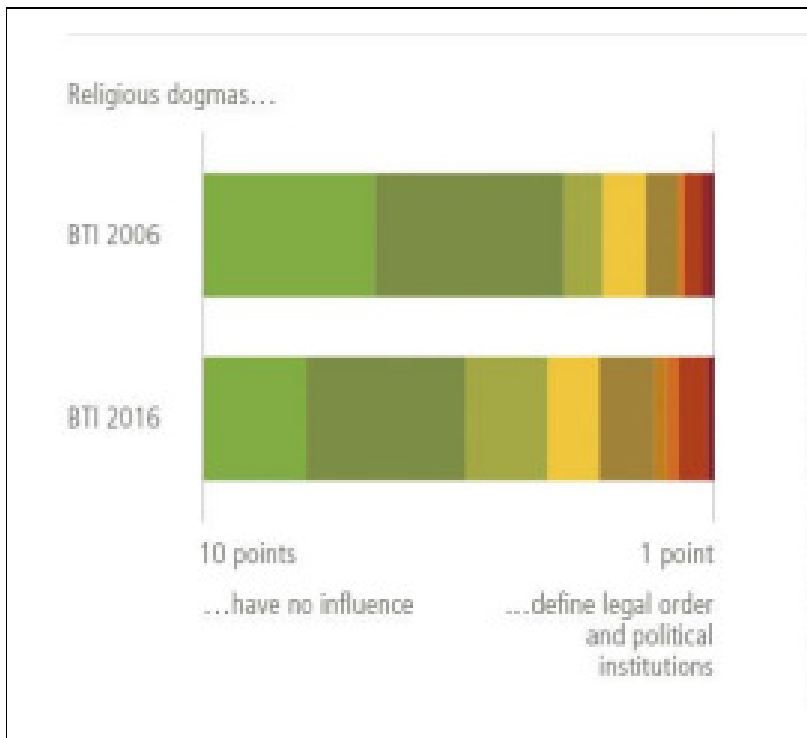
Rougier trong phân tích vừa mới công bố của mình chứng minh, rằng các cuộc nổi dậy của Mùa Xuân Arab đã là do tình hình xã hội-kinh tế gây thất vọng tạo ra, mà bản chất của nó là khế ước xã hội dựa trên sự tái phân phối một mặt độc đoán, mặt khác có quy mô lớn, hình thành sau khi các nước này giành được độc lập (xem, việc nhà nước đảm nhiệm làm từ thiện, cả trong Pryor 2008 ở trên, cũng như giáo lý *waqf* trong Koran, 2004 ở dưới). Ông giới thiệu, rằng hai động lực này trong bản thân nó cũng đã làm yếu sự sẵn sàng cải cách trong các nước này rồi, sự đan xen thì đã xác định chúng (2016: 148). Ở một chỗ ông viết: „To date, however, no study has empirically tested the cumulative impact of the combination of high redistribution and strong authoritarianism on economic transformation.” (2016:149).

Kuran (2004)

Trong tiểu luận cũ hơn, thường được trích dẫn này Kuran (2004) giải thích sự phát triển kinh tế chậm của các nước islam bằng những điều sau: 1. quyền thừa kế islam, làm cho sự tích lũy tư bản là không thể, 2. trong luật islam không có khái niệm hội đoàn (*corporation*), vì thế xã hội dân sự yếu, 3. *waqf* (đóng góp, cúng, cho tôn giáo), mà đã chiếm các nguồn lực khổng lồ và thay cho việc tạo ra của cải thì lại được dùng vào tái phân phối có mục đích xã hội. Tuy các hiện tượng kinh tế này đã mất tầm quan trọng của chúng từ thế kỷ 19, luật islam truyền thống vẫn tiếp tục góp phần vào thành tích kinh tế gây thất vọng của vùng Trung Đông.

Bertelsmann (2016b)

Trong tóm tắt phần executive summary dài 12 trang đặc trưng nổi bật trên vị trí hàng đầu là ảnh hưởng tăng lên của vai trò của tôn giáo trên thế giới (2016b: 2-3): trên thang BTI mười điểm, điểm trung bình thế giới của các cuộc xung đột xã hội, sắc tộc và tôn giáo đã xấu đi mất 0,5 điểm, trong tỷ lệ tăng lên theo sự chia rẽ tôn giáo. Trong hiện tượng cuối các tổ chức chiến đấu jihadist (thí dụ, Boko Haram, Al-Kaida, ISIS hay Taliban) đóng vai trò quan trọng. Các giáo lý tôn giáo cũng có ảnh hưởng tăng trở lại lên một số hệ thống chính trị. Mỗi trong số 42 nước arab, Phi châu hay Á châu, nơi hiện nay tôn giáo có ảnh hưởng có thể cảm nhận được lên chính trị. Trong thập niên kể từ 2006, ảnh hưởng của các giáo lý tôn giáo cho thấy xu hướng tiêu cực rõ rệt nhất trong số 18 chỉ số đo sự thay đổi chính trị (Bertelsmann, 2016b: 2-3).



Hình 1. Sự thay đổi của ảnh hưởng của các giáo lý tôn giáo giữa 2006 và 2016 theo báo cáo-index biến đổi của Bertelsmann (2016b: 3)

Sự thay đổi tiêu cực quan trọng giữa 2006-2016:

-4 điểm: **Etiopia**, Libia

-3 điểm: **Jemen**, Eritrea, Senegal, Siria (Bertelsmann 2016b: 3)

Các phân tích nước theo số thứ tự của bảng

1. Afghanistan

Theo Bertelsmann (2016a) nền chuyên quyền cứng rắn. Theo Bertelsmann (2016c) ảnh hưởng của islam mạnh hơn trung bình: hệ thống lai hoạt động. (Không xuất hiện trong phân tích của Freedom House (2016).)

Islam là tôn giáo được ủng hộ chính thức (Pew 2013: 18). Ngay tên nước chính thức cũng thấy sự nhận diện islam: „ Cộng hòa Islam Afghanistan.” Tỷ lệ người muslim 98% (CIA 2016a) - 99,7% (Pew 2009: 28). 91 phần trăm số họ hàng năm đóng *zakat*, tiền cúng tôn giáo (Pew 2012:52), 99 phần trăm số họ ủng hộ việc áp dụng *sharia* như luật chính thức (Pew 2013: 15), 78 phần trăm số họ ủng hộ sự phán xử của các tòa án islam về quyền gia đình (Pew 2013: 19). 51 phần trăm số họ tin vào lãnh đạo mạnh, 45 phần trăm tin vào dân chủ (Pew 2013: 60). 82 phần trăm ủng hộ ảnh hưởng chính trị của lãnh tụ tôn giáo (Pew 2013: 64). 39 phần trăm đôi khi hay thường xuyên cho rằng các cuộc mưu sát tự sát là có lý (Pew 2013: 70).

Việc chuyển giao quyền lực hòa bình đầu tiên năm 2014 (tổng thống: Karzai, sau là Ghani) theo sự phân loại được áp dụng trong nghiên cứu có thể coi là tín hiệu dân chủ.

Theo Bertelsmann (2016d: 2-3) các cuộc bầu cử năm 2014 và sự rút quân Mỹ và NATO đánh dấu sự kết thúc của thời kỳ chuyển đổi. Ghani và Abdullah có kết quả sát nhau trong bầu cử cuối cùng đã thống nhất về chính phủ thống nhất, nơi Ghani được chức tổng thống, Abdullah nhận chức thủ tướng. Quốc hội (*Loya Jirga*) được triệu tập trong vòng hai năm. Dưới áp lực quốc tế chính phủ thống nhất đã đồng ý rằng họ tiến hành các cuộc cải cách dân chủ tiếp và tạo ra nền kinh tế thị trường theo tinh thần Thỏa thuận Khung Tokyo (2012). Giữa chừng kể từ sự nổi

dậy 2013 (từ khi chỉ các đội quân afgan tham chiến) đã có nhiều nạn nhân dân sự, số người di tản là hơn 600 ngàn. Tình hình xã hội-kinh tế chung đã cải thiện, nhưng ít việc làm, sự tin tưởng đầu tư, sự dẫn dắt tài chính tin cậy và sự lập kế hoạch chiến lược. Tỷ lệ nghèo cao (36%) và không thay đổi, điều này nghi ngờ các nỗ lực tái thiết và tính hiệu quả của sự lãnh đạo chính trị. Những điều này bị làm xói mòn bởi các lợi ích kiếm đặc lợi, các hệ thống chủ bảo trợ-khách hàng của các nhóm lợi ích, hệ thống pháp luật yếu và những khác biệt xã hội lớn. Nền kinh tế quốc gia không tự duy trì được, và phụ thuộc mạnh vào sự tài trợ nước ngoài. Với sự rút quân quốc tế hoạt động kinh tế giảm đi và sự bất trắc tăng lên, mà vì thế có thể thấy thành tích kinh tế giảm đi từ 2013, mà có thể tiếp tục đến tận 2025.

Sieff-Partlow (2014) xác nhận rằng thâm hụt ngân sách afgan là rất cao (20%). Nhiều định chế của LHQ có mặt ở ở Afghanistan, quan trọng nhất trong số này là UNAMA (UN Assistance Mission in Afghanistan). UN News Centre (2015) đã chỉ ra rằng, bất chấp sự phát triển nước này đứng trước những khó khăn nghiêm trọng về kinh tế, chính trị và an ninh trong năm 2016. UNAMA tiếp tục các cuộc đàm phán với Taliban.

Theo Bertelsmann (2016d: 3) chính phủ đặc biệt chú ý đến chuyện islam là tôn giáo chính thống và đa số dân cư là muslim, cho nên không đưa ra luật hay biện pháp, mà không đề ý đến điều này. Hệ thống pháp luật và tư pháp cũng hoạt động theo nguyên lý cơ bản của islam. Người ta giải nghĩa và bác bỏ sự bày tỏ tự do của những ý kiến xúc phạm hay nghi ngờ các chuẩn mực islam như sự đe dọa chống lại islam, cũng như việc tự do phát biểu ý kiến. Vì tính chậm chạp của hệ thống pháp luật trong thực tế các mullah địa phương, các bộ lão, các elit truyền thống, các định chế bóng tối của Taliban hay địa phương ngự trị tư pháp và luật dân sự địa phương. Các nhà chức trách địa phương này thường xuyên áp dụng luật sharia dựa trên islam – tư pháp phi nhà nước được coi là hợp lệ, bởi vì nó nhanh hơn, rẻ hơn và sự thực thi luật có khả năng hơn.

Pew (2013: 19) cũng xác nhận rằng các tòa án tôn giáo quyết định về các quyền gia đình ở Afghanistan.

Để làm sống động nền kinh tế afgan Byrd (2016: 9) đề xuất, rằng để bù cho thâm hụt ngân sách nên phát hành cái gọi là *sukuk*, trái phiếu nhà nước islam. *Sukuk* là trái phiếu nhà nước (*bond*) có thể làm cho tương thích được với sharia, là có thể chấp nhận được theo Tổ chức Kế toán và Kiểm toán Tài chính Islam có trụ sở ở Bahrein (Wikipedia/AAOIFI (2016)).

2. Albani

Theo Bertelsmann (2016a) là nền dân chủ bị tổn thương, theo Freedom House (2016) là chế độ lai. Theo Pryor chính phủ „ủng hộ thị trường” hoạt động (2007: 1822). Theo Bertelsmann (2016c) islam không có ảnh hưởng lên nhà nước.

Tỷ lệ người muslim là 57% (CIA 2016b), 39% (Pryor 2007:1818, 1822), 80% (Pew 2009). 43 phần trăm số họ hàng năm đóng *zakat*, tiền cúng tôn giáo, (Pew 2012:52), 12 phần trăm số họ ủng hộ việc áp dụng *sharia* như luật chính thức (Pew 2013: 15), 11 phần trăm số họ ủng hộ việc phán xử của các tòa án islam về các quyền gia đình (Pew 2013: 19). 25 phần trăm số họ tin vào lãnh đạo mạnh, 69 phần trăm tin vào dân chủ (Pew 2013: 60). 15 phần trăm số họ ủng hộ ảnh hưởng chính trị của các lãnh tụ tôn giáo (Pew 2013: 64). 6 phần trăm đôi khi hay thường xuyên cho rằng các cuộc mưu sát tự sát là có lý (Pew 2013: 70).

Theo Tanner (2015) Albani, trong nước muslim chiếm đa số duy nhất của châu Âu các tín đồ coi mình như „muslim-lite” [light]. Tuy có thể quan sát được sự cực đoan hóa, nhưng tối thiểu.

3. Angola

Theo Bertelsmann (2016a) là nền chuyên quyền ôn hòa. Tỷ lệ người muslim là hết sức thấp: 0,5% (Cabeche-Smith 2013), 1% (Pew 2009: 30). Trong các nghiên cứu của Pew (2012, 2013) Angola không xuất hiện. Theo Bertelsmann (2016c) nhà nước phần lớn là thế tục, các giáo lý tôn giáo ít có ảnh hưởng đến hệ thống pháp luật và các định chế chính trị.

Trong 2013 nhiều thánh đường islam bị đóng cửa (Cabeche-Smith 2013); theo Yashar (2013) „Angola có thể là nước đầu tiên cấm islam,” các nguồn chính thức của Angola bác bỏ điều đó.

4. Azerbaijan

Theo Bertelsmann (2016a) là nền chuyên quyền cứng rắn. Theo Bertelsmann (2016c) nhà nước về cơ bản là thế tục, nhưng các giáo lý tôn giáo có một chút ảnh hưởng lên các định chế luật pháp và chính trị. Theo Freedom House (2016b: 2) vẫn tiếp tục là chế độ độc đoán sâu, và trong 2015 đã có những bước hung hăng tiếp nhằm bịt miệng sự phê phán và những tiếng nói đối lập, trong khi khủng hoảng kinh tế tăng trước hết do giá dầu giảm.

Tỷ lệ người muslim lớn: 84% theo Pryor (2007: 1817), 94% theo Valiyev (2005: 1), 97% theo CIA (2016c), 99% theo Pew (2009:28). Đa số là theo giáo phái shiite, nhưng giáo phái sunni cũng có, mới đây hơn giáo phái salafi islam cực đoan lan ra. 59% số hộ hàng năm đóng *zakat* (cúng dường) (Pew 2012:52), 8% số hộ ủng hộ việc áp dụng *sharia* như luật chính thức (Pew 2013: 15), 8% số hộ ủng hộ các tòa án islam phán xử về quyền gia đình (Pew 2013: 19). 42% tin vào lãnh đạo mạnh, 51% tin vào dân chủ (Pew 2013: 60). 14% ủng hộ ảnh hưởng chính trị của các lãnh tụ tôn giáo (Pew 2013: 64). 1% đôi khi hay thường xuyên cho rằng các cuộc mưu sát tự sát là có lý (Pew 2013: 70).

Valiyev (2005) phân tích chi tiết tình hình được hình thành: trong đất nước trở thành độc lập trong năm 1991 bắt đầu sự phục hưng tôn giáo, nhưng chỉ trên bề nổi (2005: 2). Alijev cha lên cầm quyền qua cuộc đảo chính năm 1993 đã dựa vào các lãnh tụ tôn giáo để củng cố quyền lực của mình; bản thân tổng thống của nước thế tục thế trước hiến pháp và Koran, đổi lại imam (chủ tế) chính ban phước lành cho và trong tuyên truyền của mình sắp đặt sao cho các bước của chính phủ cứ như là phù hợp với các chuẩn mực islam (2005: 6). Trong vài thánh đường ảnh chân dung của quốc trưởng được treo lên! (2005: 6) Có vẻ là nhà nước đã tích hợp và đặt islam dưới quyền mình. Phần lớn dân cư coi islam đúng hơn như truyền thống, hơn là tôn giáo (2005: 12).

Tuy nhiên, hiện nay ảnh hưởng của các tổ chức islamist cực đoan tăng lên. Nhân tố ảnh hưởng mạnh nhất là láng giềng phương nam, Iran (Hezbollah, vân vân.) Bên cạnh đó ảnh hưởng islamist xuất phát từ Thổ Nhĩ Kỳ cũng như ảnh hưởng của các islamist salafi trong nước là mạnh (Valiyev 2005: 8). Valiyev lưu ý rằng tình hình là giống của Iran trong các năm 1970 [hay của nhiều nước arab trước 2011]: sự bất mãn với hệ thống chính trị và ngày càng nhiều với tình hình kinh tế (sự nghèo, bất bình đẳng tăng lên, số đông người di tản từ Armenia và Karabah nằm trên vùng Azeri) có thể đưa nhân dân đứng đằng sau các islamist đã mạnh lên (2005:12).

Bài báo mới hơn của Souleimanov và Ehrmann báo cáo về sự mạnh lên của các islamist salafi và về sự jihadi hóa (tức là sự quân sự hóa) (2013: 1). Trong năm 2012 cảnh sát Azeri ở phần miền bắc, cũng như ở Baku và nơi khác đã thành công tấn công các nhóm salafi/jihadist. Họ chỉ ra rằng, Azerbaijan bị kẹp vào giữa sự nổi dậy islamist Iran từ phía nam, Dagestan từ phía bắc („sandwiched”; 2013: 1). Họ khẳng định rằng Azerbaijan là nhà nước thế tục, nhưng sự bất mãn kinh tế-chính trị kéo đất nước về phía islam hóa.

6. Bosnia và Hercegovina

Theo Bertelsmann (2016a) là nền dân chủ bị tổn thương. Theo Freedom House (2016) là chế độ lai. Theo Bertelsmann (2016c) nhà nước đa phần là thế tục, nhưng các giáo lý tôn giáo có một chút ảnh hưởng lên hệ thống luật pháp và các định chế chính trị.

Tỷ lệ người muslim là 40% (CIA 2016e, Pew 2009:31) – 60% (Pryor 2007: 1817). 81% số hộ đóng *zakat* hàng năm (Pew 2012:52), 15% ủng hộ sự áp dụng *sharia* như luật chính thống (Pew 2013: 15), 6% ủng hộ các tòa án islam phán xử về quyền gia đình (Pew 2013: 19). 51% tin vào lãnh đạo mạnh, 47% tin vào dân chủ (Pew 2013: 60). 17% ủng hộ ảnh hưởng chính trị của

lãnh tụ tôn giáo (Pew 2013: 64). 3% đôi khi hay thường xuyên cho rằng các cuộc mưu sát tự sát là có lý (Pew 2013: 70).

Theo Babic trong các năm 1990 trong cộng đồng muslim bosnia chủ nghĩa dân tộc bosnia mạnh lên đã phản ứng với chủ nghĩa dân tộc serbia và croatia, tức là sự mạnh lên của niềm tin tôn giáo đã phục vụ cho sự tách biệt dân tộc chủ nghĩa („*islamism as nationalism*” 2014: 135). Với sự chấm dứt của Nam Tư đã sinh ra khoảng chân không, mà đã làm cho ảnh hưởng của các diễn viên bên ngoài là có thể. Trong phân tích của mình Babic tách biệt giai đoạn trước 2001, khi các islamist salafi đã mạnh lên trong vùng, giữa những thứ khác cũng nhờ vào sự ủng hộ đến từ các nhà nước islam (thí dụ, Saudi-Arabia), sự hiện diện của các chiến binh mudjahedin và các nhà truyền giáo islam (2014: 133-134). Sau 2001 những việc này chấm dứt, nhà nước cũng đã cấm nhiều tổ chức islam, đã buộc tội một số muslim địa phương là khủng bố (2014: 134). Tuy hiện nay tham nhũng, tội phạm có tổ chức và các tranh luận sắc tộc đặc trưng cho đất nước này, Bosnia và toàn bộ vùng Balkan không chắc là nơi ẩn náu hay là nguồn tiền của những kẻ khủng bố (2014: 135).

Freedom House (2016c) vẽ bức tranh rất tối về tình trạng hiện nay của nước này: „ Trên thực tế không có sự phát triển, tình hình chung của nền dân chủ bosnia-hercegovina xấu đi từ năm này sang năm khác. Các chính trị gia không có khả năng chú ý đến nguyện vọng của các công dân, những người đồng thời lại cũng không có khả năng đòi các chính trị gia của họ phải giải trình về các việc làm của họ.” (2016c: 2)

11. Etiopia

Theo Bertelsmann (2016a) là nền chuyên quyền cứng rắn. Không xuất hiện trong phân tích của Freedom House (2016). Theo Bertelsmann (2016c) nhà nước là thể tục một phần, các giáo lý tôn giáo có ảnh hưởng đến hệ thống pháp luật và các định chế chính trị.

Tỷ lệ người theo muslim ở Etiopi là 34% (CIA 2016, Pew 2009: 30). 82 phần trăm số họ hàng năm đóng *zakat* (Pew 2012:52), 65% ủng hộ việc áp dụng *sharia* như luật chính thống (Pew 2013: 15), 65% ủng hộ các tòa án islam phán xử về quyền gia đình (Pew 2013: 19). 26% tin vào lãnh đạo mạnh, 72% tin vào dân chủ (Pew 2013: 60).

15. Jemen

Theo Bertelsmann (2016a) là nền chuyên quyền cứng rắn. Theo Bertelsmann (2016c) là nhà nước thể tục, các giáo lý tôn giáo không có vai trò đáng nhắc đến trong các định chế pháp lý hay chính trị. Tôi không đồng ý với điều sau cùng, và tôi đã báo hiệu điều này trong bảng: một phần về đất nước bị nội chiến vì các lý do tôn giáo làm khổ sở thì không thể khẳng định rằng các giáo lý tôn giáo không ảnh hưởng đến tình hình chính trị được.

Tỷ lệ người theo muslim là 99% (CIA 2016h, Pew 2009:29). Không xuất hiện trong các khảo sát của Pew (2012, 2013).

Ở Jemen với thiểu số shiite và đa số sunni nội chiến đã nổ ra từ 2014 giữa những người nổi loạn *Houthi* (shiite) và các tín đồ của tổng thống trước kia, Hadi (BBC 2015). Đã bắt đầu những căng thẳng trong năm 2011, các cuộc chiến trong tháng mười 2014, khi đó những người Houthi đã chiếm Sanaa, thủ đô Jemen, họ kiểm soát phần phía bắc của nước này (World Bank 2016). Những người theo Hadi thống trị thành phố cảng lớn, phần phía đông và nam bao gồm cả Aden, diện tích ở giữa do Al-Kaida chiếm giữ. Những người Houthi liên minh với tổng thống trước Hadi là Saleh có lẽ được Iran (shiite) ủng hộ, còn Saudi-Arabia (sunni) thì ủng hộ những người theo Hadi – Saudi-Arabia cũng tấn công những người Houthi bằng máy bay (Amnesty 2015). Dưới sức ép quốc tế mùa xuân 2016 đưa bắt đầu các cuộc đàm phán giữa các bên, nhưng chiến sự đã không có vẻ yên lặng (Fahim 2016). Ngoại giao quốc tế (LHQ, USA) sở dĩ thúc đẩy đình chiến trước hết bởi vì sự sụp đổ của nước này tạo thuận lợi cho Al-Kaida đang tổ chức và vũ trang ở đó.

Theo Ngân hàng Thế giới (World Bank 2016) cuộc xung đột leo thang từ tháng ba 2015 đã gây ra sự sụp đổ hoàn toàn của hoạt động kinh tế và sự phá hủy rộng rãi hạ tầng cơ sở.

19. Kirgizistan

Theo Bertelsmann (2016a) là nền dân chủ bị tổn thương nặng. Theo Freedom House (2016) là chế độ độc đoán được củng cố một phần. Tỷ lệ những người theo muslim là giữa 60% (Pryor 2007: 1817) và 86% (Pew 2009: 28). Theo Bertelsmann (2016c) nhà nước đa phần thế tục, các giáo lý tôn giáo có một ít ảnh hưởng lên hệ thống luật và các định chế chính trị.

Tỷ lệ những người theo muslim là 75% CIA (2016i), 60% Pryor (2007:1817), 86% Pew (2009: 28). 77% số hộ hàng năm đóng *zakat* (Pew 2012:52), 35 % ủng hộ áp dụng *sharia* như luật chính thức (Pew 2013: 15), 44% ủng hộ các tòa án islam phán xử về quyền gia đình (Pew 2013: 19). 64% tin vào lãnh đạo mạnh, 32% tin vào dân chủ (Pew 2013: 60). 46% ủng hộ ảnh hưởng chính trị của lãnh tụ tôn giáo (Pew 2013: 64). 10% đôi khi hay thường xuyên cho rằng các cuộc mưu sát tự sát là có lý (Pew 2013: 70).

Giữa 1991-2011 có thể thấy sự quay về phương Tây, thí dụ năm 2001 Akajev đã mở cửa căn cứ không quân bên cạnh thủ đô, Biskek cho các đội quân Mỹ đóng quân tại Afganistan, Atambajev lên nắm quyền từ 2001 chuyển hướng về nước Nga (North 2016).

Những người theo islam chủ yếu thuộc dòng sunni. Sau 1991 sở dĩ tỷ lệ muslim đã tăng đáng kể một phần, là vì đã chấm dứt sự xua đuổi dưới thời soviet, một phần vì trong số gần sáu triệu dân cư thì khoảng một trăm ngàn người dân tộc Nga đã bỏ nước trở thành độc lập này (Hiro 2009: 287). Galdini (2015) khẳng định rằng từ cuối các năm 1980 sự phục hưng islam đã xảy ra ở Kirgizistan. Từ 2010 sự tăng lên của ảnh hưởng của các islamist không bị loại trừ. Trong năm 2015, ở thủ đô Bisbek, hậu trường của các cuộc đụng độ giữa các đơn vị nhà nước đặc biệt và những chiến binh ngược lại là đáng ngờ. Có thể hình dung rằng sự cực đoan hóa, quan hệ với ISIS liên quan đến một nhóm rất ít người, và sự huy động islamist được người ta tận dụng để gây ra ảo ảnh bị đe dọa của nhà nước (Pikulicka-Wilczewska 2015).

20. Kosovo (địa vị pháp lý bị tranh chấp)

Theo Bertelsmann (2016a) là nền dân chủ bị tổn thương, theo Freedom House (2016) là hệ thống độc đoán được củng cố một phần. Theo Bertelsmann (2016c) nhà nước đa phần là thế tục, các giáo lý tôn giáo có một ít ảnh hưởng lên hệ thống pháp luật và các định chế chính trị.

Tỷ lệ người muslim là 96% (CIA 2016j), 90% (Pew 2009: 31). 69% số hộ hàng năm có đóng *zakat* 69 (Pew 2012:52), 10 % ủng hộ áp dụng *sharia* như luật chính thức (Pew 2013: 15), 44% ủng hộ các tòa án islam phán xử về quyền gia đình (Pew 2013: 19). 13% tin vào lãnh đạo mạnh, 76% tin vào dân chủ (Pew 2013: 60). 27% ủng hộ ảnh hưởng chính trị của lãnh tụ tôn giáo (Pew 2013: 64). 11% đôi khi hay thường xuyên cho rằng các cuộc mưu sát tự sát là có lý (Pew 2013: 70).

Theo Call (2016) ở Kosovo ISIS tìm thấy mảnh đất màu mỡ. Trước kia là một xã hội muslim khoan dung, mà là một nước muslim thân Mỹ nhất trên thế giới, ngày nay bị các hội đoàn bí mật được nuôi bằng tiền của giới tăng lữ cực đoan và Saudi-Arabia và những người khác biến thành sào huyệt của những kẻ cực đoan islamist và thành cơ sở quần chúng của các jihadist. Rất nhiều tiền đến từ Trung Đông: chỉ để xây dựng thánh đường hơn một triệu dollar đã đến một quỹ được giới thiệu gần đây – mùa hè 2014 cảnh sát Kosovo đã đóng cửa quỹ này và 12 quỹ khác, và bắt giam 40 người.

41. Somali

Theo Bertelsmann (2016a) là chế độ chuyên quyền cứng rắn. Không xuất hiện trong phân tích của Freedom House (2016). Theo Bertelsmann (2016c) nhà nước đa phần là thế tục, các giáo lý tôn giáo có ít ảnh hưởng lên hệ thống pháp luật và các định chế chính trị.

Tỷ lệ người muslim 99% (CIA 2016o), 88,5% (Pew 2009: 31), 98% (Pryor 2007: 1817). Không xuất hiện trong các nghiên cứu của Pew (2012, 2013).

42. Tadjikistan

Theo Bertelsmann (2016a) là chế độ chuyên quyền cứng rắn. Theo Freedom House (2016) là chế độ độc đoán được củng cố. Theo Bertelsmann (2016c) nhà nước một phần thế tục, các giáo lý tôn giáo có ảnh hưởng lên hệ thống pháp luật và các định chế chính trị.

Tỷ lệ muslim là 95% (CIA 2016p), 84% (Pew 2009: 29 và Pryor 2007: 1817). 66% số họ đóng *zakat* hàng năm (Pew 2012:52), 27% ủng hộ việc áp dụng *sharia* như luật chính thức (Pew 2013: 15), 33% ủng hộ phán quyết của các tòa án islam về các quyền gia đình (Pew 2013: 19). 20% tin vào lãnh đạo mạnh, 76% tin vào dân chủ (Pew 2013: 60). 28% ủng hộ ảnh hưởng chính trị của các lãnh tụ tôn giáo (Pew 2013: 64). 3% đôi khi hay thường xuyên cho rằng các cuộc mưu sát tự sát là có lý (Pew 2013: 70).

Ở Tadjikistan giữa 1992-1997 nội chiến đã tàn phá, từ 1994 Emomali Rahmon (hay Rahmanov) nắm quyền trong tay (Hiro 2009: 325-345) – trong 2016 trưng cầu dân ý đã trao cho ông quyền cầm quyền vô thời hạn (Guardian 2016a). Năm 2002 ký chương trình đối tác với NATO. Từ 2012 có xung đột islamist ở phần đông nước này. Nhà nước đưa ra các công cụ hành chính để đẩy lùi islam: ngoài việc cấm các đảng islamist và bỏ tù chung thân các lãnh tụ của chúng (Guardian 2016b) trong khung khổ một chiến dịch thí dụ họ đã cạo râu 13 ngàn người đàn ông và đóng cửa các cửa hàng bán khăn (Lewis 2016), và đã cấm việc đặt tên arab cho trẻ sơ sinh (Trilling 2015).

43. Turkmenistan

Theo Bertelsmann (2016a) là chế độ chuyên quyền cứng rắn. Theo Freedom House (2016) là chế độ độc đoán được củng cố. Theo Bertelsmann (2016c) ảnh hưởng của islam mạnh hơn mức trung bình: hệ thống lai hoạt động. Ngược lại theo Recknagel-Tahir (2013) nhà nước săn đuổi islam một cách có chọn lọc.

Tỷ lệ muslim 85% (CIA 2016q), 93% (Pew 2009: 29), 87% (Pryor 2007: 1817). 73% số họ đóng *zakat* hàng năm (Pew 2012:52) – dữ liệu khác, như của các nước được liệt kê, không được Pew (2013) công bố.

Kurbanguly Berdymukhamedov được bao quanh bởi tệ sùng bái cá nhân đã nắm quyền từ 2007 và năm 2016 đã sửa hiến pháp đảm bảo sự thống trị của ông cho đến hết đời (Guardian 2016c).

45. Uzbekistan

Theo Bertelsmann (2016a) là chế độ chuyên quyền cứng rắn. Theo Freedom House (2016) là chế độ độc đoán được củng cố. Theo Bertelsmann (2016c) nhà nước một phần thế tục, đồng thời các giáo lý tôn giáo có ảnh hưởng quan trọng đến các định chế luật và chính trị.

Tỷ lệ những người muslim là 88% (CIA 2016r), 96% (Pew 2009: 29), 76% (Pryor 2007: 1817). Trong các nghiên cứu của Pew Uzbekistan có xuất hiện, nhưng trong các phân tích được giới thiệu ở trên (2012, 2013) thì không.

Tuy Uzbekistan thuộc về các nước vi phạm các quyền con người nghiêm trọng nhất (xem, cuộc tàn sát ở Andijan, 2005), John Kerry trong 2015 đã vẫn gặp Islam Karimov đã cầm quyền 25 năm (Guardian 2015). Theo Krausen (2015) nhà nước điều chỉnh nghiêm ngặt việc thực hành tôn giáo islam: chỉ được phép đến các thánh đường do nhà nước chuẩn y, săn đuổi những kẻ bị dán nhãn cực đoan. Tất cả việc này chỉ làm tăng sự bất mãn tích tụ chống lại Karimov. Sau khi ông ta đổ, có những người muốn đưa chế độ thần quyền vào, nhưng đa số không chọn chủ nghĩa chính thống.

Các nguồn

- Amnesty (2015): Yemen: The forgotten wars. *Amnesty International*.
<https://www.amnesty.org/en/latest/news/2015/09/yemen-the-forgotten-war/>
- Babic, Marko (2014): Two faces of Islam in the Western Balkans: Between political ideology and Islamist radicalization. In: M. Milosevic – K. Rekawek (eds.): *Perseverance of terrorism: Focus on leaders*. Amsterdam: IOS Pres, pp. 126-137.
- BBC (2015): Yemen profile – Timeline. *BBC*, November 25, 2015. <http://www.bbc.com/news/world-middle-east-14704951> Truy cập June 1, 2016.
- Bertelsmann (2016a): Transformation Index (BTI). *Bertelsmann Stiftung*. <http://www.bti-project.org/en/index/overview/> Truy cập June 3, 2016.
- Bertelsmann (2016b): BTI 2016 Executive summary: Increasing political and social tensions. *Bertelsmann Stiftung*. https://www.bti-project.org/fileadmin/files/BTI/Downloads/Zusaetzliche_Downloads/Executive_Summary_BTI_2016.pdf Truy cập June 10, 2016.
- Bertelsmann (2016c): *BTI 2016: Codebook for country assessments*. https://www.bti-project.org/fileadmin/files/BTI/Downloads/Zusaetzliche_Downloads/Codebook_BTI_2016.pdf Truy cập June 10, 2016.
- Bertelsmann (2016d): Afghanistan country report. *Bertelsmann Stiftung*.
- Byrd, William A. (2016): What can be done to revive Afghanistan's economy? *United States Institute of Peace Special Report 387*. <http://www.usip.org/sites/default/files/SR387-What-Can-Be-Done-to-Revive-Afghanistans-Economy.pdf> Truy cập: April 17, 2016
- Cabeche, Aristides – David Smith (2013): Angola accused of 'banning' Islam as mosques closed. *The Guardian*, November 28, 2013. <http://www.theguardian.com/world/2013/nov/28/angola-accused-banning-islam-mosques> Truy cập April 25, 2016.
- Call, Carlotta (2016): How Kosovo was turned into fertile ground for ISIS. *The New York Times*, May 21, 2016. http://www.nytimes.com/2016/05/22/world/europe/how-the-saudis-turned-kosovo-into-fertile-ground-for-isis.html?_r=0 Truy cập June 20, 2016.
- CIA (2016a): Afghanistan. *Central Intelligence Agency: The world factbook*.
<https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/af.html> Truy cập: April 17, 2016.
- CIA (2016b): Albania. In: *Central Intelligence Agency: The world factbook*.
<https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/al.html> Truy cập: April 18, 2016.
- CIA (2016c): Azerbaijan. In: *Central Intelligence Agency: The world factbook*.
<https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/aj.html> Truy cập: April 18, 2016.
- CIA (2016d): Benin. In: *Central Intelligence Agency: The world factbook*.
<https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/bn.html> Truy cập: April 18, 2016.
- CIA (2016e): Bosnia-Herzegovina. In: *Central Intelligence Agency: The world factbook*.
<https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/bk.html> Truy cập: April 18, 2016.
- CIA (2016f): Ethiopia. In: *Central Intelligence Agency: The world factbook*.
<https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/et.html> Truy cập: April 18, 2016.
- CIA (2016g): Georgia. In: *Central Intelligence Agency: The world factbook*.
<https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/gg.html> Truy cập: April 18, 2016.
- CIA (2016 h): Yemen. In: *Central Intelligence Agency: The world factbook*.
<https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/ym.html> Truy cập: April 18, 2016.
- CIA (2016i): Kyrzyzistan. In: *Central Intelligence Agency: The world factbook*.
<https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/kg.html> Truy cập: April 18, 2016.
- CIA (2016j): Kosovo. In: *Central Intelligence Agency: The world factbook*.
<https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/kv.html> Truy cập: April 18, 2016.

- CIA (2016l): Macedonia. In: *Central Intelligence Agency: The world factbook*.
<https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/mk.html> Truy cập:
 April 18, 2016.
- CIA (2016m): Mozambique. In: *Central Intelligence Agency: The world factbook*.
<https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/mz.html> Truy cập:
 April 18, 2016.
- CIA (2016n): Russia. In: *Central Intelligence Agency: The world factbook*.
<https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/rs.html> Truy cập: April
 18, 2016.
- CIA (2016o): Somalia. In: *Central Intelligence Agency: The world factbook*.
<https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/so.html> Truy cập: April
 18, 2016.
- CIA (2016p): Tajikistan. In: *Central Intelligence Agency: The world factbook*.
<https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/ti.html> Truy cập: April
 18, 2016.
- CIA (2016q): Turkmenistan. In: *Central Intelligence Agency: The world factbook*.
<https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/ti.html> Truy cập: April
 18, 2016.
- CIA (2016r): Uzbekistan. In: *Central Intelligence Agency: The world factbook*.
<https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/uz.html> Truy cập: April
 18, 2016.
- Fahim, Kareem (2016): As war strangles Yemen, many fear the grip will never break. *The New York Times*, May 10, 2016. <http://www.nytimes.com/2016/05/11/world/middleeast/yemen-civil-war.html> Truy cập June 1, 2016.
- Freedom House (2016): *Nations in Transit 2016*. <https://freedomhouse.org/report/nations-transit/nations-transit-2016> Truy cập May 15, 2016.
- Freedom House (2016b): Azerbaijan. *Freedom House Nations in Transit country report*.
https://freedomhouse.org/sites/default/files/NIT2016_Azerbaijan.pdf Truy cập May 15,
 2016.
- Freedom House (2016c): Bosnia and Hercegovina. *Freedom House Nations in Transit country report*.
https://freedomhouse.org/sites/default/files/NIT2016_BiH_final.pdf Truy cập May
 15, 2016.
- Galdini, Franco (2015): Islam in Kyrgyzstan: Growing in diversity. *Open Democracy*, October
 22, 2015. <https://www.opendemocracy.net/od-russia/franco-galdini/islam-in-kyrgyzstan-growing-in-diversity> Truy cập June 19, 2016.
- Guardian (2015): Kerry meets Uzbekistan leader, seen as one of the world's most repressive. *The Guardian*,
 November 1, 2015. <https://www.theguardian.com/world/2015/nov/01/john-kerry-uzbekistan-islam-karimov-central-asia-human-rights> Truy cập June 20, 2016.
- Guardian (2016a): Tajikistan votes to allow president to rule indefinitely. *The Guardian*, May
 23, 2016. <https://www.theguardian.com/world/2016/may/23/tajikistan-votes-to-allow-president-emomali-rahmon-to-rule-indefinitely> Truy cập June 20, 2016.
- Guardian (2016b): Tajikistan human rights fears as banned party's ex-leaders jailed for life. *The Guardian*,
 June 2, 2016. <https://www.theguardian.com/world/2016/jun/02/tajikistan-human-rights-fears-banned-irpt-party-leaders-jailed-life> Truy cập June 20, 2016.
- Guardian (2016c): Turkmenistan president rewrites constitution to let him rule for life. *The Guardian*
 February 16, 2016.
<https://www.theguardian.com/world/2016/feb/16/turkmenistan-president-rewrites-constitution-to-let-him-rule-for-life> Truy cập June 20, 2016.

- Hiro, Dilip (2009): *Inside Central Asia: A political and cultural history of Uzbekistan, Turkmenistan, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Tajikistan, Turkey and Iran*. New York: Overlook Duckworth.
- Krausen, Erik (215): Central Asia: Can secular Islam survive? *The Diplomat*, April 10, 2015. <http://thediplomat.com/2015/04/central-asia-can-secular-islam-survive/> Truy cập June 20, 2016.
- Kuran, Timur (2004): Why the Middle East is economically underdeveloped: Historical mechanisms of institutional stagnation. *Journal of Economic Perspectives*, vol. 18/3: pp. 71-90.
- Lewis, Simon (2016): Tajikistan police shave nearly 13,000 men in their battle against conservative Islam. *Time Magazine*, January 20, 2016. <http://time.com/4188161/tajikistan-shave-islam-radicalization-muslim/> Truy cập June 20, 2016.
- North, Andrew (2016): ‘We’ll cut off your head’: Open season for LGBT attacks in Kyrgyzstan. *The Guardian*, May 4, 2016. <https://www.theguardian.com/world/2016/may/04/kyrgyzstan-lgbt-community-fear-attacks-russia> Truy cập June 19, 2016.
- Pew (2009): *Mapping the global Muslim population: A report on the size and distribution of the World’s Muslim population*. Washington DC: Pew Research Center. <http://www.pewforum.org/files/2009/10/Muslimpopulation.pdf> Truy cập: June 16, 2016.
- Pew (2012): *The world’s Muslims: Unity and diversity*. Washington DC: Pew Research Center. <http://www.pewforum.org/files/2012/08/the-worlds-muslims-full-report.pdf> Truy cập June 16, 2016.
- Pew (2013): *The world’s Muslims: Religion, politics and society*. Washington DC: Pew Research Center. <http://www.pewforum.org/files/2013/04/worlds-muslims-religion-politics-society-full-report.pdf> Truy cập: June 16, 2016.
- Pikulicka-Wilczewska, Agnieszka (2015)_ Islamic state in Kyrgyzstan: A real or imagined threat? *Open Democracy*, October 22, 2015. <https://www.opendemocracy.net/od-russia/agnieszka-pikulicka-wilczewska/islamic-state-in-kyrgyzstan-real-or-imagined-threat> Truy cập June 19, 2016.
- Platteau, Jean-Philippe (2008): Religion, politics and development: Lessons from the lands of Islam. *Journal of Economic Behavior and Organization*, vol. 68/1, pp. 329-351.
- Pryor, Frederic (2007): The economic impact of Islam on developing countries. *World Development*, vol. 35/11, pp. 1815-1835.
- Recknagel, Charles – Muhammad Tahir (2013): Turkmenistan keeps lid on all things Islam. *Radio Free Europe/Radio Liberty*, May 30, 2013. <http://www.rferl.org/content/turkmenistan-tough-approach-islam/25001901.html> Truy cập June 20, 2016.
- Rougier, Eric (2016): “Fire in Cairo”: Authoritarian-redistributive social contracts, structural change, and the Arab Spring. *World Development*, vol. 78, pp. 148-171.
- Sieff, Kevin – Joshua Partlow (2014): Afghan economy facing serious revenue shortage. *The Washington Post*, April 15, 2014. https://www.washingtonpost.com/world/asia_pacific/afghan-economy-facing-serious-revenue-shortage/2014/04/15/6ddce38a-5be9-46ad-8f3b-1eb2ef4ed9bd_story.html Truy cập: April 17, 2016.
- Souleimanov, Emil – Maya Ehrmann (2013): The rise of militant Salafism in Azerbaijan and its regional implications. *Middle East Policy Council*, vol. 20/3, pp. 1-8. <http://www.mepc.org/journal/middle-east-policy-archives/rise-militant-salafism-azerbaijan-and-its-regional-implications> Truy cập June 11, 2016.
- Tanner, Marcus (2015): ‘A hardliner’s nightmare’: Religious tolerance in Europe’s only majority-Muslim country. *Newsweek*, March 31, 2015.

<http://europe.newsweek.com/hardliners-nightmare-religious-tolerance-europes-only-majority-muslim-country-318212?rm=eu> Truy cập June 11, 2016.

Trilling, David (2015): Tajikistan debates ban on Arabic names as part of crackdown on Islam. *The Guardian*, May 8, 2015. <https://www.theguardian.com/world/2015/may/08/tajikistan-islam-arabic-names-crackdown> Truy cập June 20, 2016.

UN News Centre (2015): Despite progress, Afghanistan faces major economic, security and political challenges in 2015. *UN News Centre*, December 21, 2015. <http://www.un.org/apps/news/story.asp?NewsID=52875#.VxaH6tSLTIU> Truy cập: April 17, 2016.

Valiyev, (2005): Azerbaijan: Islam in a post-Soviet republic. *Middle East Review of International Affairs*, vol. 9/4: pp. 1-13.

Wikipedia/AAOIFI (2016): Accounting and Auditing Organization for Islamic Financial Institutions. *Wikipedia*. https://en.wikipedia.org/wiki/Accounting_and_Auditing_Organization_for_Islamic_Financial_Institutions Truy cập: April 18, 2016.

World Bank (2016): Yemen – Overview. *The World Bank*. <http://www.worldbank.org/en/country/yemen/overview> Truy cập June 1, 2016.

Yashar, Ari (2013): Angola becomes 'first country to ban Islam'. *Arutz Sheva*, November 25, 2013. <http://www.israelnationalnews.com/News/News.aspx/174445#.VymiGdKLTIU> Truy cập April 25, 2016.